



Bảo hiểm Du lịch

Với Bảo hiểm Liberty, bạn Vững tâm Tiến bước



Vững tâm Tiến bước cùng Liberty cho dù bạn đi bất kỳ nơi nào

Bảo hiểm Du lịch Liberty TravelCare cung cấp gói bảo hiểm ưu việt cho bạn và gia đình khi đi du lịch nước ngoài, linh hoạt với nhiều lựa chọn khác nhau được thiết kế phù hợp với nhu cầu tài chính của bạn.

Với Liberty, bạn có thể an tâm tận hưởng trọn vẹn chuyến đi vì bạn đang được bảo vệ bởi một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu thế giới với hơn 100 năm kinh nghiệm trong việc mang đến một cuộc sống an toàn và đảm bảo hơn cho mọi người.

Với chỉ từ 1USD/người/ngày, Bảo hiểm Du lịch Liberty TravelCare bảo vệ toàn diện cho bạn và gia đình trước những rủi ro phát sinh khi đi du lịch nước ngoài như:

- Chi phí điều trị bệnh hoặc thương tật ở nước ngoài và Việt Nam
- Chi phí thăm bệnh ở nước ngoài dành cho người thân
- Hủy hoặc hoãn chuyến đi
- Mất hoặc thất lạc hành lý
- Mất tiền hoặc giấy tờ tùy thân
- Mất mát hoặc thiệt hại do hỏa hoạn đối với tài sản nội thất tại nơi cư trú ở Việt Nam



TÓM TẮT QUYỀN LỢI

QUYỀN LỢI TỐI ĐA (Đơn vị tính: VND)	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM					
	CLASSIC		EXECUTIVE		PREMIER	
	Cá nhân	Gia đình	Cá nhân	Gia đình	Cá nhân	Gia đình
TAI NẠN CÁ NHÂN						
1. Tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn do tai nạn Dựa theo Bảng tỉ lệ bồi thường đính kèm Quy tắc bảo hiểm.	Người lớn - 1.000.000.000 Trẻ em - 500.000.000		Người lớn - 2.000.000.000 Trẻ em - 1.000.000.000		Người lớn - 3.000.000.000 Trẻ em - 1.500.000.000	
CHI PHÍ Y TẾ						
2. Chi phí y tế ở nước ngoài Viện phí và chi phí điều trị bệnh hay thương tật phát sinh khi NĐBH ở nước ngoài.	1.000.000.000	1.700.000.000	1.600.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	3.600.000.000
3. Chi phí y tế phát sinh khi trở về Việt Nam Điều trị theo dõi trong vòng 31 ngày kể từ ngày NĐBH về nước (sau khi xuất viện từ một bệnh viện ở nước ngoài).	100.000.000	200.000.000	200.000.000	400.000.000	300.000.000	600.000.000
4. Thăm bệnh ở nước ngoài Chi phí đi lại cho một người thân hoặc bạn bè nếu NĐBH phải nằm viện hơn 5 ngày ở nước ngoài.	60.000.000	60.000.000	90.000.000	90.000.000	120.000.000	120.000.000
5. Chi phí ăn ở bổ sung Chi phí khách sạn cho 1 người thân hoặc bạn bè nếu NĐBH nằm viện nhiều hơn 5 ngày khi ở nước ngoài.						
<i>Tổng giới hạn</i>	20.000.000	20.000.000	24.000.000	24.000.000	40.000.000	40.000.000
<i>Giới hạn mỗi ngày</i>	5.000.000	5.000.000	6.000.000	6.000.000	10.000.000	10.000.000
6. Thăm viếng để thu xếp tang lễ ở nước ngoài Chi phí đi lại cho 1 người thân hoặc bạn bè để hỗ trợ việc chuẩn bị liên quan đến thi hài.	40.000.000	40.000.000	60.000.000	60.000.000	100.000.000	100.000.000

QUYỀN LỢI TỐI ĐA (Đơn vị tính: VND)	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM					
	CLASSIC		EXECUTIVE		PREMIER	
	Cá nhân	Gia đình	Cá nhân	Gia đình	Cá nhân	Gia đình
7. Đưa trẻ em về quê quán/nước thường trú Chi phí đưa trẻ không người trông coi của NDBH về nguyên xứ hoặc nước thường trú.	60.000.000	60.000.000	80.000.000	80.000.000	120.000.000	120.000.000
8. Trợ cấp nằm viện ở nước ngoài Trợ cấp tiền mặt 1.000.000 VND/ngày khi NDBH nằm viện ở nước ngoài.	16.000.000	16.000.000	20.000.000	20.000.000	50.000.000	50.000.000
9. Trợ cấp nằm viện ở Việt Nam Trợ cấp tiền mặt 500.000 VND/ngày khi NDBH nằm viện ngay sau khi trở về Việt Nam.	5.000.000	5.000.000	6.000.000	6.000.000	10.000.000	10.000.000
10. Chi phí y tế liên quan đến ốm đau thai sản Chi phí thực tế.	24.000.000	24.000.000	30.000.000	30.000.000	60.000.000	60.000.000
11. Trợ giúp y tế 24/24 giờ Trên cơ sở tư vấn hoặc thu xếp.	Liên hệ đường dây nóng của April Assistance +84 28 7300 2312					
12. Chi phí điện thoại cấp cứu Chi phí điện thoại vì lí do cấp cứu y tế trong chuyến đi.	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
VẬN CHUYỂN Y TẾ						
13. Di chuyển y tế khẩn cấp Thanh toán chi phí di chuyển y tế khẩn cấp được thực hiện qua đường dây nóng +84 28 7300 2312 của APRIL.	Chi phí thực tế					
14. Đưa thi hài về quê quán Chi phí hồi hương thi hài của NDBH hoặc hỏa táng/chôn cất tại nơi tử nạn.	Chi phí thực tế					
TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ						
15. Trách nhiệm cá nhân Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý đối với Thương tật thân thể hoặc Thiệt hại tài sản của Bên thứ 3 gây ra do sự bất cẩn của NDBH khi ở nước ngoài.	1.000.000.000	1.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
NHỮNG SỰ CỐ NGOÀI Ý MUỐN						
16. Hủy/Hoãn chuyến đi Thanh toán phần chi phí không hoàn lại của chuyến đi đã trả trước hoặc các chi phí hành chính phát sinh khi hủy chuyến đi do những tình huống không thể lường trước.	50.000.000	80.000.000	80.000.000	120.000.000	120.000.000	160.000.000
17. Rút ngắn chuyến đi Thanh toán theo tỷ lệ cho mỗi ngày trọn vẹn bị rút ngắn khi chuyến đi không được thực hiện như dự định vì những tình huống không thể lường trước.	50.000.000	80.000.000	80.000.000	120.000.000	120.000.000	160.000.000
18. Giảm đoạn chuyến đi Thanh toán theo tỷ lệ cho mỗi ngày trọn vẹn không được thực hiện như chuyến đi dự định nếu NDBH phải nằm viện ở nước ngoài nhiều hơn 5 ngày.	30.000.000	40.000.000	40.000.000	60.000.000	60.000.000	100.000.000

QUYỀN LỢI TỐI ĐA (Đơn vị tính: VND)	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM					
	CLASSIC		EXECUTIVE		PREMIER	
	Cá nhân	Gia đình	Cá nhân	Gia đình	Cá nhân	Gia đình
19. Lỡ nối chuyến Thanh toán cho mỗi 6 giờ liên tục bị trì hoãn do lỡ nối chuyến khi ở nước ngoài.	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
20. Chuyển đi bị trì hoãn Thanh toán 2.400.000 VNĐ cho mỗi 6 giờ liên tục khi việc khởi hành của phương tiện vận chuyển dự kiến bị trì hoãn ở nước ngoài.	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
21. Chuyển bay bị đăng ký lỗi Thanh toán chi phí ăn, ở và đi lại nếu NĐBH không thể lên được chuyến bay dự định vì bị đăng ký lỗi.	1.600.000	3.200.000	2.000.000	4.000.000	10.000.000	20.000.000
22. Mua hàng khẩn cấp Thanh toán chi phí mua các đồ dùng cá nhân thiết yếu nếu hành lý của NĐBH bị mất cắp hay thất lạc vĩnh viễn.	2.000.000	5.000.000	2.400.000	6.000.000	6.000.000	10.000.000
23. Hành lý đến chậm Thanh toán 2.400.000 VNĐ cho mỗi 6 giờ liên tục hành lý đến chậm khi NĐBH đang ở nước ngoài.	6.000.000	6.000.000	10.000.000	10.000.000	16.000.000	16.000.000
24. Trợ giúp chuyển đi 24/24 giờ Trên cơ sở tư vấn hoặc thu xếp.	Liên hệ đường dây nóng của April Assistance +84 28 7300 2312					
MẤT MẮT						
25. Mất tiền cá nhân Mất tiền vì bị trộm, cướp hoặc thiên tai khi NĐBH ở nước ngoài.	2.000.000	5.000.000	3.000.000	6.000.000	6.000.000	12.000.000
26. Mất chứng từ du lịch Thanh toán chi phí làm lại chứng từ du lịch cùng chi phí phát sinh cho việc ăn ở khách sạn và đi lại.	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000
27. Mất hoặc thiệt hại hành lý và tài sản cá nhân Tối đa 5.000.000 VNĐ cho mỗi hạng mục, bộ hoặc cặp vật dụng, thiết bị; Tối đa 20.000.000 VNĐ cho mỗi máy tính xách tay.	30.000.000	30.000.000	40.000.000	40.000.000	60.000.000	60.000.000
28. Bảo hiểm cho mức miễn thường của phương tiện đi thuê Thanh toán phần mức miễn thường mà NĐBH có trách nhiệm phải trả trong trường hợp phương tiện đi thuê bị mất hay thiệt hại do tai nạn.	10.000.000	10.000.000	12.000.000	12.000.000	24.000.000	24.000.000
29. Đại lý du lịch bị đóng cửa Hoàn lại các chi phí đã được trả trước cho chuyến đi nếu đại lý du lịch tại Việt Nam bị phá sản hay đóng cửa.	30.000.000	40.000.000	50.000.000	60.000.000	70.000.000	80.000.000
30. Bảo vệ nhà cửa Bảo hiểm cho mất mát hoặc thiệt hại gây ra do hỏa hoạn đối với tài sản nội thất tại nơi cư trú của NĐBH ở Việt Nam khi không có người trông coi trong suốt chuyến du lịch.	20.000.000	20.000.000	30.000.000	30.000.000	60.000.000	60.000.000

QUYỀN LỢI TỐI ĐA (Đơn vị tính: VNĐ)	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM					
	CLASSIC		EXECUTIVE		PREMIER	
	Cá nhân	Gia đình	Cá nhân	Gia đình	Cá nhân	Gia đình
QUYỀN LỢI MỞ RỘNG						
31. Bảo hiểm trường hợp bị không tắc Hỗ trợ chi phí nếu máy bay của NĐBH bị không tắc không chế ít nhất 12 giờ liên tục.						
<i>Tổng giới hạn</i>	20.000.000	20.000.000	24.000.000	24.000.000	30.000.000	30.000.000
<i>Giới hạn cho mỗi 12 giờ liên tục</i>	1.300.000	1.300.000	2.000.000	2.000.000	2.600.000	2.600.000
32. Gia hạn tự động Nếu chuyến đi bị trì hoãn do NĐBH bị tai nạn hay bệnh tật, hay do chuyến bay bị trì hoãn, thời hạn bảo hiểm sẽ được tự động kéo dài tương ứng với khoảng thời gian bị trì hoãn đó.	7 ngày					
33. Các dịch vụ khách sạn bị gián đoạn hay hủy bỏ Thanh toán 1.500.000 VNĐ cho mỗi 24 giờ trong trường hợp dịch vụ khách sạn tại điểm đến bị gián đoạn hay hủy bỏ vì đình công hay bạo động.	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000

BẢNG PHÍ BẢO HIỂM (Đơn vị tính: VNĐ) CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

CHƯƠNG TRÌNH CLASSIC						
	CÁ NHÂN			GIA ĐÌNH		
	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn cầu
Phí bảo hiểm năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Phí bảo hiểm chuyến (theo độ dài chuyến đi)						
1 - 3 ngày	105.000	147.000	168.000	210.000	294.000	336.000
4 - 6 ngày	168.000	210.000	231.000	336.000	420.000	462.000
7 - 10 ngày	231.000	273.000	357.000	462.000	546.000	714.000
11 - 14 ngày	336.000	378.000	441.000	672.000	756.000	882.000
15 - 18 ngày	399.000	462.000	483.000	798.000	924.000	966.000
19 - 22 ngày	441.000	504.000	546.000	882.000	1.008.000	1.092.000
23 - 27 ngày	483.000	567.000	588.000	966.000	1.134.000	1.120.000
28 - 31 ngày	546.000	588.000	630.000	1.092.000	1.176.000	1.260.000
32 - 38 ngày	609.000	672.000	735.000	1.218.000	1.344.000	1.470.000
39 - 45 ngày	672.000	756.000	840.000	1.344.000	1.512.000	1.680.000
46 - 52 ngày	735.000	840.000	945.000	1.470.000	1.680.000	1.890.000
53 - 59 ngày	798.000	924.000	1.050.000	1.596.000	1.848.000	2.100.000
60 - 66 ngày	861.000	1.008.000	1.155.000	1.722.000	2.016.000	2.310.000
67 - 73 ngày	924.000	1.092.000	1.260.000	1.848.000	2.184.000	2.520.000
74 - 80 ngày	987.000	1.176.000	1.365.000	1.974.000	2.352.000	2.730.000
81 - 87 ngày	1.050.000	1.260.000	1.470.000	2.100.000	2.520.000	2.940.000
88 - 94 ngày	1.113.000	1.344.000	1.575.000	2.226.000	2.688.000	3.150.000
95 - 101 ngày	1.176.000	1.428.000	1.680.000	2.352.000	2.856.000	3.360.000
102 - 108 ngày	1.239.000	1.512.000	1.785.000	2.478.000	3.024.000	3.570.000
109 - 115 ngày	1.302.000	1.596.000	1.890.000	2.604.000	3.192.000	3.780.000
116 - 122 ngày	1.365.000	1.680.000	1.995.000	2.730.000	3.360.000	3.990.000

123 - 129 ngày	1.428.000	1.764.000	2.100.000	2.856.000	3.528.000	4.200.000
130 - 136 ngày	1.491.000	1.848.000	2.205.000	2.982.000	3.696.000	4.410.000
137 - 143 ngày	1.554.000	1.932.000	2.310.000	3.108.000	3.864.000	4.620.000
144 - 150 ngày	1.617.000	2.016.000	2.415.000	3.234.000	4.032.000	4.830.000
151 - 157 ngày	1.680.000	2.100.000	2.520.000	3.360.000	4.200.000	5.040.000
158 - 164 ngày	1.743.000	2.184.000	2.625.000	3.486.000	4.368.000	5.250.000
165 - 171 ngày	1.806.000	2.268.000	2.730.000	3.612.000	4.536.000	5.460.000
172 - 178 ngày	1.869.000	2.352.000	2.835.000	3.738.000	4.704.000	5.670.000
179 - 180 ngày	1.932.000	2.436.000	2.940.000	3.864.000	4.872.000	5.880.000
181 - 186 ngày	2.100.000	2.646.000	3.171.000	4.200.000	5.292.000	6.342.000

CHƯƠNG TRÌNH EXECUTIVE

	CÁ NHÂN			GIA ĐÌNH		
	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn cầu
Phí bảo hiểm năm	Không áp dụng	2.835.000	5.628.000	Không áp dụng	5.670.000	9.471.000
Phí bảo hiểm chuyển (theo độ dài chuyển đi)						
1 - 3 ngày	168.000	210.000	315.000	336.000	420.000	630.000
4 - 6 ngày	252.000	315.000	378.000	504.000	630.000	756.000
7 - 10 ngày	336.000	420.000	504.000	672.000	840.000	1.008.000
11 - 14 ngày	441.000	546.000	672.000	882.000	1.092.000	1.344.000
15 - 18 ngày	567.000	672.000	756.000	1.134.000	1.344.000	1.512.000
19 - 22 ngày	672.000	756.000	840.000	1.344.000	1.512.000	1.680.000
23 - 27 ngày	735.000	861.000	987.000	1.470.000	1.722.000	1.974.000
28 - 31 ngày	777.000	945.000	1.029.000	1.554.000	1.890.000	2.058.000
32 - 38 ngày	924.000	1.113.000	1.218.000	1.848.000	2.226.000	2.436.000
39 - 45 ngày	1.071.000	1.281.000	1.407.000	2.142.000	2.562.000	2.814.000
46 - 52 ngày	1.218.000	1.449.000	1.596.000	2.436.000	2.898.000	3.192.000
53 - 59 ngày	1.365.000	1.617.000	1.785.000	2.730.000	3.234.000	3.570.000
60 - 66 ngày	1.512.000	1.785.000	1.974.000	3.024.000	3.570.000	3.948.000
67 - 73 ngày	1.659.000	1.953.000	2.163.000	3.318.000	3.906.000	4.326.000
74 - 80 ngày	1.806.000	2.121.000	2.352.000	3.612.000	4.242.000	4.704.000
81 - 87 ngày	1.953.000	2.289.000	2.541.000	3.906.000	4.578.000	5.082.000
88 - 94 ngày	2.100.000	2.457.000	2.730.000	4.200.000	4.914.000	5.460.000
95 - 101 ngày	2.247.000	2.625.000	2.919.000	4.494.000	5.250.000	5.838.000
102 - 108 ngày	2.394.000	2.793.000	3.108.000	4.788.000	5.586.000	6.216.000
109 - 115 ngày	2.541.000	2.961.000	3.297.000	5.082.000	5.922.000	6.594.000
116 - 122 ngày	2.688.000	3.129.000	3.486.000	5.376.000	6.258.000	6.972.000
123 - 129 ngày	2.835.000	3.297.000	3.675.000	5.670.000	6.594.000	7.350.000
130 - 136 ngày	2.982.000	3.465.000	3.864.000	5.964.000	6.930.000	7.728.000
137 - 143 ngày	3.129.000	3.633.000	4.053.000	6.258.000	7.266.000	8.106.000
144 - 150 ngày	3.276.000	3.801.000	4.242.000	6.552.000	7.602.000	8.484.000
151 - 157 ngày	3.423.000	3.969.000	4.431.000	6.846.000	7.938.000	8.862.000
158 - 164 ngày	3.570.000	4.137.000	4.620.000	7.140.000	8.274.000	9.240.000
165 - 171 ngày	3.717.000	4.305.000	4.809.000	7.434.000	8.610.000	9.618.000
172 - 178 ngày	3.864.000	4.473.000	4.998.000	7.728.000	8.946.000	9.996.000
179 - 180 ngày	4.011.000	4.641.000	5.187.000	8.022.000	9.282.000	10.374.000
181 - 186 ngày	4.263.000	4.956.000	5.565.000	8.526.000	9.912.000	11.130.000

CHƯƠNG TRÌNH PREMIER						
	CÁ NHÂN			GIA ĐÌNH		
	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn cầu
Phí bảo hiểm năm	Không áp dụng	3.549.000	7.350.000	Không áp dụng	6.720.000	11.760.000
Phí bảo hiểm chuyển (theo độ dài chuyến đi)						
1 - 3 ngày	231.000	294.000	420.000	462.000	588.000	840.000
4 - 6 ngày	336.000	420.000	504.000	672.000	840.000	1.008.000
7 - 10 ngày	483.000	609.000	735.000	966.000	1.218.000	1.470.000
11 - 14 ngày	630.000	777.000	882.000	1.260.000	1.554.000	1.764.000
15 - 18 ngày	756.000	924.000	1.050.000	1.512.000	1.848.000	2.100.000
19 - 22 ngày	882.000	1.008.000	1.155.000	1.764.000	2.016.000	2.310.000
23 - 27 ngày	945.000	1.155.000	1.281.000	1.890.000	2.310.000	2.562.000
28 - 31 ngày	1.050.000	1.218.000	1.407.000	2.100.000	2.436.000	2.814.000
32 - 38 ngày	1.218.000	1.449.000	1.680.000	2.436.000	2.898.000	3.360.000
39 - 45 ngày	1.386.000	1.680.000	1.953.000	2.772.000	3.360.000	3.906.000
46 - 52 ngày	1.554.000	1.911.000	2.226.000	3.108.000	3.822.000	4.452.000
53 - 59 ngày	1.722.000	2.142.000	2.499.000	3.444.000	4.284.000	4.998.000
60 - 66 ngày	1.890.000	2.373.000	2.772.000	3.780.000	4.746.000	5.544.000
67 - 73 ngày	2.058.000	2.604.000	3.045.000	4.116.000	5.208.000	6.090.000
74 - 80 ngày	2.226.000	2.835.000	3.318.000	4.452.000	5.670.000	6.636.000
81 - 87 ngày	2.394.000	3.066.000	3.591.000	4.788.000	6.132.000	7.182.000
88 - 94 ngày	2.562.000	3.297.000	3.864.000	5.124.000	6.594.000	7.728.000
95 - 101 ngày	2.730.000	3.528.000	4.137.000	5.460.000	7.056.000	8.274.000
102 - 108 ngày	2.898.000	3.759.000	4.410.000	5.796.000	7.518.000	8.820.000
109 - 115 ngày	3.066.000	3.990.000	4.683.000	6.132.000	7.980.000	9.366.000
116 - 122 ngày	3.234.000	4.221.000	4.956.000	6.468.000	8.442.000	9.912.000
123 - 129 ngày	3.402.000	4.452.000	5.229.000	6.804.000	8.904.000	10.458.000
130 - 136 ngày	3.570.000	4.683.000	5.502.000	7.140.000	9.366.000	11.004.000
137 - 143 ngày	3.738.000	4.914.000	5.775.000	7.476.000	9.828.000	11.550.000
144 - 150 ngày	3.906.000	5.145.000	6.048.000	7.812.000	10.290.000	12.096.000
151 - 157 ngày	4.074.000	5.376.000	6.321.000	8.148.000	10.752.000	12.642.000
158 - 164 ngày	4.242.000	5.607.000	6.594.000	8.484.000	11.214.000	13.188.000
165 - 171 ngày	4.410.000	5.838.000	6.867.000	8.820.000	11.676.000	13.734.000
172 - 178 ngày	4.578.000	6.069.000	7.140.000	9.156.000	12.138.000	14.280.000
179 - 180 ngày	4.746.000	6.300.000	7.413.000	9.492.000	12.600.000	14.826.000
181 - 186 ngày	5.082.000	6.720.000	7.917.000	10.164.000	13.440.000	15.834.000

NHÓM

Áp dụng mức phí dành cho từng cá nhân như bảng trên trừ đi tỉ lệ giảm phí theo nhóm.



Số Người Được Bảo Hiểm		Tỷ lệ giảm phí theo nhóm
Từ	Đến	
50	100	5%
101	150	10%
151	200	15%
201	500	20%
501	1.000	25%
1.001	2.000	30%
2.001	++	35%

VÙNG DU LỊCH

Đông Nam Á (ASEAN):	Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và Đông Timor
Châu Á Thái Bình Dương:	ASEAN, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Sri Lanka, Pakistan, Úc và New Zealand
Toàn cầu:	Tất cả các quốc gia, loại trừ các quốc gia bị cấm vận theo nghị quyết của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, Liên Hiệp Quốc, Liên Hiệp Châu Âu và Vương Quốc Anh (hiện bao gồm Cuba, Iran, Triều Tiên, Sudan và Syria)

ĐIỀU KIỆN THAM GIA BẢO HIỂM

Định nghĩa “Gia đình”:	Tối đa 2 người lớn và không giới hạn số lượng trẻ em cùng xuất phát và trở về Việt Nam vào một thời điểm.
<i>Hợp đồng bảo hiểm chuyến:</i>	Trẻ em phải có quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng với ít nhất một người lớn được bảo hiểm.
<i>Hợp đồng bảo hiểm năm:</i>	Tối đa 2 người lớn là vợ chồng hợp pháp và không giới hạn số lượng trẻ em. Trẻ em chỉ được bảo hiểm nếu đi cùng người lớn được bảo hiểm trong bất kỳ chuyến đi nào trong thời hạn bảo hiểm.
<i>Trẻ em:</i>	Tối đa 17 tuổi; không hạn chế số lượng trẻ em trong gia đình.
Tuổi tham gia bảo hiểm:	Tối đa 80 tuổi.
Quốc tịch:	Hợp đồng bảo hiểm này chỉ dành cho công dân Việt Nam và thường trú nhân Việt Nam.
Độ dài chuyến đi:	Hợp đồng bảo hiểm du lịch chuyến: độ dài của chuyến đi không quá 186 ngày. Hợp đồng bảo hiểm du lịch năm: không giới hạn số chuyến đi trong Thời hạn bảo hiểm. Tuy nhiên, độ dài của mỗi chuyến đi không được vượt quá 90 ngày.

CÁC ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH

- Các bệnh tồn tại trước hoặc bệnh được liệt kê trong mục loại trừ chung.
- Điều trị chứng căng thẳng, lo âu, trầm cảm, hoang sợ, lo lắng, xúc động, các chứng bệnh hoặc rối loạn về tâm lý, tinh thần.
- Tự gây thương tích, tự tử hoặc có ý định tự tử hay mất trí.
- Các hoạt động thể thao chuyên nghiệp, các hình thức đua hoặc thi đấu, leo vách đá hay leo núi có sử dụng dây hoặc thiết bị, điều lượn hay nhảy dù.
- Sử dụng các chất có cồn hoặc thuốc không theo sự chỉ định của bác sỹ.
- HIV (Vi-rút gây suy giảm miễn dịch ở người), bất kỳ bệnh tật nào có liên quan đến HIV, bao gồm AIDS (Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải), hoặc bất kỳ phát sinh đột biến, biến thể hay biến chứng nào có liên quan.
- Bệnh lây lan qua đường tình dục.
- Việc ngừa thai, sảy thai, sinh nở, mang thai, phá thai và các biến chứng có liên quan.
- Bất kỳ chi phí nào liên quan đến việc điều trị hoặc phẫu thuật mang tính phòng ngừa như tiêm vắc xin, cắt bao quy đầu, tiêm chủng, v.v.
- Điều trị răng (trừ trường hợp cấp thiết do xảy ra tai nạn gây thương tổn tới răng tự nhiên và đang ở trong tình trạng tốt).

CẦN HỖ TRỢ?

1. Hỗ trợ khẩn cấp

Trong các tình huống khẩn cấp, Quý khách vui lòng gọi +84 28 7300 2312 để được hỗ trợ ngay lập tức bởi Emergency Medical Assistance (EMA). Việc vận chuyển cấp cứu và hồi hương do sẽ do EMA đảm trách. Các chi phí thuộc trách nhiệm bảo vệ sẽ được Liberty trả trực tiếp cho EMA, theo điều kiện và điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.

2. Quy trình yêu cầu bồi thường

Quý khách cần thông báo tổn thất cho Liberty trong vòng 30 ngày kể từ khi phát sinh sự cố bảo hiểm. Vui lòng liên hệ với Trung tâm Dịch vụ Khách hàng 24/7 **OneCall 1800 599 998** để được hướng dẫn cụ thể.



GHỊ CHÚ QUAN TRỌNG:

Bảng phí này có hiệu lực từ ngày 01/05/2019 và chỉ áp dụng cho những rủi ro tiêu chuẩn.

Bảng tóm tắt trong tờ giới thiệu này hỗ trợ cho khách hàng trong việc cân nhắc các quyền lợi của chương trình Bảo hiểm Du lịch Liberty TravelCare. Tất cả các quyền lợi sẽ được trả theo các mức chi phí hợp lý tại nơi cung cấp dịch vụ.

Tài liệu này chỉ có tính chất tham khảo. Để có đầy đủ thông tin mới nhất về quyền lợi, điều kiện, giới hạn và điểm loại trừ, khách hàng nên tham khảo hợp đồng bảo hiểm, bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm, và bản sửa đổi bổ sung (nếu có) do Liberty cung cấp.

Thông tin về Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

Bảo hiểm Liberty là thành viên của Liberty Mutual Insurance (www.LibertyMutual.com), Tập đoàn bảo hiểm đa ngành toàn cầu, thành lập năm 1912 và có trụ sở chính tại Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ.



Tính đến ngày 31/12/2018, Tập đoàn Bảo hiểm Liberty Mutual có tổng tài sản là 125,989 tỉ Đô La Mỹ và tổng doanh thu 41,568 tỷ Đô La Mỹ, và xếp hạng:

- Thứ 3 nước Mỹ trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản và thiệt hại
- Thứ 75 trong danh sách các tập đoàn lớn nhất nước Mỹ.

Liberty Mutual Insurance có hơn 50.000 nhân viên làm việc ở 900 văn phòng tại 30 quốc gia trên toàn thế giới.

Tại Việt Nam, Bảo hiểm Liberty cung cấp các sản phẩm bảo hiểm toàn diện dành cho xe ô tô, nhà cửa, sức khỏe, du lịch, tài sản và trách nhiệm, v.v. trên các kênh truyền thống, trực tiếp và trực tuyến với chi phí hợp lý.

Bảo hiểm Liberty là công ty đầu tiên thiết lập Trung tâm Dịch vụ Khách hàng đa năng (miễn cước) hoạt động 24/7. Điều này góp phần giúp Liberty trở thành nhà bảo hiểm ô tô được yêu thích nhất theo khảo sát từ các công ty nghiên cứu thị trường danh tiếng như Cimigo và Ipsos.

● Trụ Sở Chính

Tầng 18, Tòa nhà Vincom, 45A Lý Tự Trọng,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
T: (84-28) 38 125 125 - F: (84-28) 38 125 018

● Chi nhánh, Văn phòng giao dịch

Hà Nội

Tầng 10, Tháp Đồng, Tòa nhà Lotte Center HN,
54 Liễu Giai, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam
T: (84-24) 3 7557 111 - F: (84-24) 3 7557 066

Hải Phòng

Tầng 3, Tòa nhà Seabank, Số 17, Khu B1,
Lô 7B, Đường Lê Hồng Phong, Q. Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Tel: (84-225) 3 999 366
Fax: (84-225) 3 999 368

Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SAVICO, 66 Võ Văn Tần,
Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: (84-236) 3 749999 - (84-236) 3 749998
Fax: (84-236) 3 749996

Đồng Nai

101 Vũ Hồng Phò, KP2, P. Bình Đa
Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam
T: (84-251) 2 682555 - F: (84-251) 2 682333

Nghệ An

Tầng 3, Tòa nhà Nhà Việt, Số 8 Đại Lộ V.I Lê
Nin, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
ĐTDD: 0904 757 333

Thái Nguyên

Tầng 3, Tòa nhà Đông Á Plaza, Số 668 Phan
Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Việt Nam
ĐTDD: 0938 731 371

● Dịch vụ khách hàng 24/7

 **1800 599 998**

Hotline@LibertyInsurance.com.vn
www.LibertyInsurance.com.vn